

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG THCS CHÁNH HƯNG

Số: 17/CH-CK

V/v báo cáo tình hình công khai
thực hiện dự toán thu, chi ngân
sách nhà nước Quý 1/2022.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quận 8, ngày 05 tháng 4 năm 2022

Kính gửi: Phòng Tài chính – Kế hoạch Quận 8

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai Ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 5015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-CH ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Trường THCS Chánh Hưng về việc công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách quý I/2022;

Trường Trung học cơ sở Chánh Hưng báo cáo tình hình công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước Quý I/2022 như sau:

I. Tình hình công khai ngân sách tại các đơn vị thuộc, trực thuộc:

- Số đơn vị chưa công khai ngân sách: 0
- Số đơn vị thực hiện công khai ngân sách: 01

Stt	Tên đơn vị	Đơn vị đã thực hiện công khai ngân sách					
		Nội dung		Hình thức		Thời gian	
		Đúng nội dung	Chưa đúng nội dung	Đúng hình thức	Chưa đúng hình thức	Đúng thời gian	Chưa đúng thời gian
01	Trường THCS Chánh Hưng	x		x		x	

II. Nêu những nguyên nhân tại sao chưa công khai hoặc đã công khai nhưng chưa đúng quy định: Không.

Nơi nhận:

- PTC-KH Q8;
- Lưu :VT, KT.



HIỆU TRƯỞNG

Đồng Thị Ngọc Dung

Số: 27/QĐ-CH

Quận 8, ngày 05 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách quý I/2022
của Trường Trung học cơ sở Chánh Hưng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS CHÁNH HƯNG

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai Ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 1361/QĐ/UB ngày 17 tháng 4 năm 1996 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc thành lập Trường Trung học cơ sở Chánh Hưng;

Căn cứ Quyết định số 5015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách Quý I năm 2022 của Trường Trung học cơ sở Chánh Hưng (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ phận kế toán, Tổ trưởng các Tổ chuyên môn và các cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phòng TC-KH Q8;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



Đồng Thị Ngọc Dung

Đơn vị: TRƯỜNG THCS CHÁNH HƯNG
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quận 8, ngày 05 tháng 4 năm 2022

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2022

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THCS Chánh Hưng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I năm 2022 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I năm 2022	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	15.449	3.245	21,00	96,07
I	Nguồn ngân sách trong nước	15.449	3.245	21,00	96,07
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	15.449	3.245	21,00	96,07
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		-	0,00	0,00
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	15.449	3.245	21,00	0,00
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Lập biểu

Quận 8, ngày 05 tháng 4 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

(Chữ ký, dấu)



Đồng Thị Ngọc Dung

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường trung học cơ sở Chánh Hưng

Mã ĐVQHNS: 1073093

Mã cấp NS: 2

Chức danh Kế toán trưởng
Đơn vị KBNN Quận 8 - TP Hồ
Chi Minh
Nội dung Phê duyệt nội số đối
chịu xác nhận số dư

Mẫu số 20a

Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐV/DT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 1 / Năm 2022

Mã nguồn NSNN kinh tế	Mã ngành	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	073	00000	0	15.449.281.000	15.449.281.000	15.449.281.000	15.449.281.000	3.244.751.530	3.244.751.530	0	0	0	12.204.529.470
14	073	00000	3.541.406.321	3.489.761.000	3.489.761.000	3.489.761.000	7.031.167.321	0	0	0	0	0	7.031.167.321
Cộng:			3.541.406.321	18.939.042.000	18.939.042.000	18.939.042.000	22.480.448.321	3.244.751.530	3.244.751.530	0	0	0	19.235.696.791
Phần KBNN ghi:													

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Chi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 1 tháng 4 năm 2022

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Trần Anh Tuấn

Người ký: Nguyễn Duy Thành
Ngày ký: 01/04/2022 13:16
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Quận 8 - TP Hồ Chí Minh

Nguyễn Duy Thành

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 1 tháng 4 năm 2022

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Đỗ Thị Trang
Ngày ký: 01/04/2022 13:01:41
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Trường trung học cơ sở Chánh Hưng

Đỗ Thị Trang

Đồng Thị Ngọc Dung

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường trung học cơ sở Chánh Hưng

Mã ĐVQHNS: 1073093

Mã cấp NS: 2

Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Quận 8 - TP Hồ
Chí Minh
Nội dung: Phê duyệt nợ sơ đồ
chiều xác nhận số dư

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DƯ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 1/Năm 2022

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Lương theo ngạch, bậc	12	073	6001	00000	0	0	1.674.150.116	1.674.150.116	1.674.150.116	1.674.150.116
Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	12	073	6051	00000	0	0	41.636.400	41.636.400	41.636.400	41.636.400
Phụ cấp chức vụ	12	073	6101	00000	0	0	17.656.498	17.656.498	17.656.498	17.656.498
Phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ	12	073	6105	00000	0	0	26.004.630	26.004.630	26.004.630	26.004.630
Phụ cấp ưu đãi nghề	12	073	6112	00000	0	0	497.927.784	497.927.784	497.927.784	497.927.784
Phụ cấp thâm niên vượt khung: phụ cấp thâm niên nghề	12	073	6115	00000	0	0	278.062.714	278.062.714	278.062.714	278.062.714
Bảo hiểm xã hội	12	073	6301	00000	0	0	354.145.927	354.145.927	354.145.927	354.145.927
Bảo hiểm y tế	12	073	6302	00000	0	0	60.710.730	60.710.730	60.710.730	60.710.730
Kinh phí công đoàn	12	073	6303	00000	0	0	40.473.820	40.473.820	40.473.820	40.473.820
Bảo hiểm thất nghiệp	12	073	6304	00000	0	0	20.236.911	20.236.911	20.236.911	20.236.911
Chi khác	12	073	6449	00000	0	0	168.700.000	168.700.000	168.700.000	168.700.000
văn phòng phẩm	12	073	6551	00000	0	0	7.078.400	7.078.400	7.078.400	7.078.400
Khoản điện thoại	12	073	6618	00000	0	0	1.600.000	1.600.000	1.600.000	1.600.000
Khoản công tác phí	12	073	6704	00000	0	0	3.800.000	3.800.000	3.800.000	3.800.000
Thuê lao động trong nước	12	073	6757	00000	0	0	33.757.600	33.757.600	33.757.600	33.757.600
Nhà cửa	12	073	6907	00000	0	0	18.810.000	18.810.000	18.810.000	18.810.000

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG THCS CHÁNH HƯNG

Số: 34 /CH

V/v báo cáo tình hình công khai
thực hiện dự toán thu, chi ngân
sách nhà nước Quý II/2022 và
6 tháng đầu năm 2022.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quận 8, ngày 05 tháng 7 năm 2022

Kính gửi: Phòng Tài chính – Kế hoạch Quận 8

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai Ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 5015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 38/QĐ-CH ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Trường THCS Chánh Hưng về việc công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách quý II/2022;

Trường Trung học cơ sở Chánh Hưng báo cáo tình hình công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước Quý II/2022 và 6 tháng đầu năm 2022 như sau:

I. Tình hình công khai ngân sách tại các đơn vị thuộc, trực thuộc:

- Số đơn vị chưa công khai ngân sách: 0
- Số đơn vị thực hiện công khai ngân sách: 01

Stt	Tên đơn vị	Đơn vị đã thực hiện công khai ngân sách					
		Nội dung		Hình thức		Thời gian	
		Đúng nội dung	Chưa đúng nội dung	Đúng hình thức	Chưa đúng hình thức	Đúng thời gian	Chưa đúng thời gian
01	Trường THCS Chánh Hưng	x		x		x	

II. Nêu những nguyên nhân tại sao chưa công khai hoặc đã công khai nhưng chưa đúng quy định: Không.

Nơi nhận:

- PTC-KH Q8;
- Lưu :VT, KT.



HIỆU TRƯỞNG

Đồng Thị Ngọc Dung

Số: 98 /QĐ-CH

Quận 8, ngày 05 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách
quý II/2022 và 6 tháng đầu năm 2022
của Trường Trung học cơ sở Chánh Hưng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS CHÁNH HƯNG

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai Ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 1361/QĐ/UB ngày 17 tháng 4 năm 1996 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc thành lập Trường Trung học cơ sở Chánh Hưng;

Căn cứ Quyết định số 5015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách Quý II/2022 và 6 tháng đầu năm 2022 của Trường Trung học cơ sở Chánh Hưng (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ phận kế toán, Tổ trưởng các Tổ chuyên môn và các cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phòng TC-KH Q8;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



Đồng Thị Ngọc Dung

Đơn vị: TRƯỜNG THCS CHÁNH HƯNG
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quận 8, ngày 05 tháng 7 năm 2022

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ II NĂM 2022

(Kèm theo QĐ số 38/QĐ-CH ngày 05/7/2022 của Hiệu trưởng Trường THCS Chánh Hưng)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THCS Chánh Hưng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý II năm 2022 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II năm 2022	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý II năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	18.939	5.157	2722,97%	166,23
I	Nguồn ngân sách trong nước	18.939	5.157	2722,97%	166,23
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	18.939	5.157	2722,97%	166,23
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0,00	0,00
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	18.939	5.157	2722,97%	0,00

Lập biểu

Quận 8, ngày 05 tháng 7 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

(Chữ ký, dấu)



Đồng Thị Ngọc Dung

Đơn vị: TRƯỜNG THCS CHÁNH HƯNG
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quận 8, ngày 05 tháng 7 năm 2022

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG NĂM 2022

(Kèm theo QĐ số 38/QĐ-CH ngày 05/7/2022 của Hiệu trưởng Trường THCS Chánh Hưng)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THCS Chánh Hưng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2022 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng năm 2022	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	18.939	8.402	44,36	129,66
I	Nguồn ngân sách trong nước	18.939	8.402	44,36	129,66
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	18.939	8.402	44,36	129,66
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0,00	0,00
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	18.939	8.402	44,36	0,00

Lập biểu

Đỗ Thị Trang

Quận 8, ngày 05 tháng 7 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

(Chữ ký, dấu)



Đồng Thị Ngọc Dung

Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Quận 8 - TP Hồ Chí Minh
Nơi dùng: Phê duyệt hồ sơ đấu thầu
chính thức nhân số dư

Mã chương: 622
Đơn vị: Trường trung học cơ sở Chánh Hưng
Mã ĐVQHNS: 1073093
Mã cấp NS: 2

Mẫu số 20a
Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 2 / Năm 2022

Mã nguồn NSNN kinh tế	Mã ngành	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	073	00000	0	15.449.281.000	0	15.449.281.000	15.449.281.000	3.261.907.849	6.506.659.379	0	0	0	8.942.621.621
14	073	00000	3.541.406.321	3.489.761.000	0	3.489.761.000	7.031.167.321	1.895.143.769	1.895.143.769	0	0	0	5.136.023.552
Cộng:			3.541.406.321	18.939.042.000	0	18.939.042.000	22.480.448.321	5.157.051.618	8.401.803.148	0	0	0	14.078.645.173
Phần KBNN ghi:													

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 4 tháng 7 năm 2022

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Trần Anh Tuấn

Người ký: Nguyễn Duy Thành
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Quận 8 - TP Hồ Chí Minh

Nguyễn Duy Thành

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 4 tháng 7 năm 2022

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Đỗ Thị Trang
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Trường trung học cơ sở Chánh Hưng

Đỗ Thị Trang

Đồng Thị Ngọc Dung

Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Quận 8, TP.Hồ
Chi Minh
Nơi dùng: Phê duyệt hồ sơ đấu
chấu xác nhận số dư

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỤ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 2 /Năm 2022

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Lương theo ngạch, bậc	12	073	6001	00000	0	0	1.628.089.146	3.302.239.262	1.628.089.146	3.302.239.262
Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	12	073	6051	00000	0	0	41.636.400	83.272.800	41.636.400	83.272.800
Phụ cấp chức vụ	12	073	6101	00000	0	0	17.656.503	35.313.001	17.656.503	35.313.001
Phụ cấp làm đêm: làm thêm giờ	12	073	6105	00000	0	0	0	26.004.630	0	26.004.630
Phụ cấp ưu đãi nghề	12	073	6112	00000	0	0	501.387.564	999.315.348	501.387.564	999.315.348
Phụ cấp thâm niên vượt khung: phụ cấp thâm niên nghề	12	073	6115	00000	0	0	258.610.360	536.673.074	258.610.360	536.673.074
Bảo hiểm xã hội	12	073	6301	00000	0	0	355.447.215	709.593.142	355.447.215	709.593.142
Bảo hiểm y tế	12	073	6302	00000	0	0	61.495.148	122.205.878	61.495.148	122.205.878
Kinh phí công đoàn	12	073	6303	00000	0	0	40.622.539	81.096.359	40.622.539	81.096.359
Bảo hiểm thất nghiệp	12	073	6304	00000	0	0	19.749.930	39.986.841	19.749.930	39.986.841
Chi khác	12	073	6449	00000	0	0	30.574.800	199.274.800	30.574.800	199.274.800
Tiền điện	12	073	6501	00000	0	0	50.372.998	50.372.998	50.372.998	50.372.998
Tiền nước	12	073	6502	00000	0	0	23.050.800	23.050.800	23.050.800	23.050.800
văn phòng phẩm	12	073	6551	00000	0	0	3.329.600	10.408.000	3.329.600	10.408.000
Mua sắm công cụ dụng cụ văn phòng	12	073	6552	00000	0	0	17.760.600	17.760.600	17.760.600	17.760.600
Vật tư văn phòng khác	12	073	6599	00000	0	0	7.061.188	7.061.188	7.061.188	7.061.188

Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuế bao đường điện thoại: fax	12	073	6601	00000	0	0	379.794	379.794	379.794
Thuế bao kênh vệ tinh; thuế bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuế đường truyền mạng	12	073	6605	00000	0	0	1.597.603	1.597.603	1.597.603
Khoản điện thoại	12	073	6618	00000	0	0	0	0	1.600.000
Khoản công tác phí	12	073	6704	00000	0	0	0	0	3.800.000
Thuế lao động trong nước	12	073	6757	00000	0	0	103.206.661	103.206.661	136.964.261
Chi phí thuế mướn khác	12	073	6799	00000	0	0	79.251.000	79.251.000	79.251.000
Nhà cửa	12	073	6907	00000	0	0	20.628.000	20.628.000	39.438.000
Chi khác	14	073	6449	00000	0	0	1.895.143.769	1.895.143.769	1.895.143.769
Cộng:					0	0	5.157.051.618	8.401.803.148	8.401.803.148
Phần KBNN ghi:									

Ghi chú: KBNN chi ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 4 tháng 7 năm 2022

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Trần Anh Tuấn

Nguyễn Duy Thành

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 4 tháng 7 năm 2022

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Đỗ Thị Trang

Đồng Thị Ngọc Dung

BIÊN BẢN
Về kết thúc niêm yết công khai tình hình thực hiện dự toán
chi ngân sách nhà nước Quý II/2022 và 6 tháng đầu năm 2022
của Trường THCS Chánh Hưng

Căn cứ Biên bản ngày 05/7/2022 về công khai và niêm yết công khai tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước Quý II/2022 và 6 tháng đầu năm 2022 của Trường Trung học cơ sở Chánh Hưng,

- **Thời gian:** Vào lúc 16 giờ 15 phút, ngày 04 tháng 8 năm 2022.
- **Địa điểm:** Tại Phòng Giáo viên Trường Trung học cơ sở Chánh Hưng.
- **Thành phần:**
 - + Bà Đồng Thị Ngọc Dung - chức vụ: Hiệu trưởng
 - + Bà Trương Thị Mỹ - chức vụ: Chủ tịch Công đoàn
 - + Ông Phạm Văn Trường - chức vụ: Thanh tra nhân dân
 - + Bà Trần Ngọc Bích - Thư ký
- **Nội dung:**

Lập biên bản kết thúc niêm yết công khai tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước Quý II/2022 và 6 tháng đầu năm 2022 của Trường Trung học cơ sở Chánh Hưng, đã được niêm yết tại Bảng tin công khai của Trường Trung học cơ sở Chánh Hưng.

Thời gian niêm yết: từ ngày 05 tháng 7 năm 2022 đến ngày 04 tháng 8 năm 2022.

Trong thời gian công khai niêm yết 30 ngày, đơn vị không nhận ý kiến, phản ánh, khiếu nại về nội dung trên.

Biên bản kết thúc vào lúc giờ phút cùng ngày, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, đồng ý, ký tên./.

Lãnh đạo đơn vị
HIỆU TRƯỞNG



Đồng Thị Ngọc Dung

Chủ tịch Công đoàn cơ sở



Trương Thị Mỹ

Người lập biên bản

Trần Ngọc Bích

Trưởng Ban Thanh tra nhân dân

Phạm Văn Trường

Số: 55 /CH-CK

Quận 8, ngày 05 tháng 10 năm 2022

V/v báo cáo tình hình công khai
thực hiện dự toán thu, chi ngân
sách nhà nước Quý III/2022

Kính gửi: Phòng Tài chính – Kế hoạch Quận 8

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai Ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 5015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 103/QĐ-CH ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Trường THCS Chánh Hưng về việc công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách quý III năm 2021;

Trường Trung học cơ sở Chánh Hưng báo cáo tình hình công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước Quý III/2022 như sau:

I. Tình hình công khai ngân sách tại các đơn vị thuộc, trực thuộc:

- Số đơn vị chưa công khai ngân sách: 0
- Số đơn vị thực hiện công khai ngân sách: 01

Stt	Tên đơn vị	Đơn vị đã thực hiện công khai ngân sách					
		Nội dung		Hình thức		Thời gian	
		Đúng nội dung	Chưa đúng nội dung	Đúng hình thức	Chưa đúng hình thức	Đúng thời gian	Chưa đúng thời gian
01	Trường THCS Chánh Hưng	x		x		x	

II. Nêu những nguyên nhân tại sao chưa công khai hoặc đã công khai nhưng chưa đúng quy định: Không.

Nơi nhận:

- PTC-KH Q8;
- Lưu :VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



Đồng Thị Ngọc Dung

Số: 109 /QĐ-CH

Quận 8, ngày 05 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách Quý III năm 2022
của Trường Trung học cơ sở Chánh Hưng**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS CHÁNH HƯNG

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai Ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 1361/QĐ/UB ngày 17 tháng 4 năm 1996 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc thành lập Trường Trung học cơ sở Chánh Hưng;

Căn cứ Quyết định số 5015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách Quý II năm 2022 của Trường Trung học cơ sở Chánh Hưng (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ phận kế toán, Tổ trưởng các Tổ chuyên môn và các cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phòng TC-KH Q8;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



Đồng Thị Ngọc Dung

Đơn vị: TRƯỜNG THCS CHÁNH HƯNG
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quận 8, ngày 05 tháng 10 năm 2022

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2022

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THCS Chánh Hưng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý III năm 2022 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý III năm 2022	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	18.939	7.650	40,39	194,44
I	Nguồn ngân sách trong nước	18.939	7.650	40,39	194,44
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	18.939	7.650	40,39	194,44
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0,00	0,00
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	18.939	7.650	40,39	562,65

Quận 8, ngày 05 tháng 10 năm 2022

Lập biểu

Đỗ Thị Trang

HIỆU TRƯỞNG

(Chữ ký, dấu)



Đông Thị Ngọc Dung

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường trung học cơ sở Chánh Hưng

Mã ĐVQHNS: 1073093

Mã cấp NS: 2

Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Quận 8 - TP Hồ Chí Minh
Nơi dùng: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20/a

Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 3 / Năm 2022

Mã nguồn NSNN kinh tế	Mã ngành	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	073	00000	0	15.449.281.000	2.697.247.145	18.146.528.145	18.146.528.145	6.290.158.730	12.796.818.109	0	0	0	5.349.710.036
14	073	00000	3.541.406.321	3.489.761.000	0	3.489.761.000	7.031.167.321	1.359.532.704	3.254.676.473	0	0	0	3.776.490.848
Cộng:			3.541.406.321	18.939.042.000	2.697.247.145	21.636.289.145	25.177.695.466	7.649.691.434	16.051.494.582	0	0	0	9.126.200.884
Phần KBNN ghi:													
12	073	00000	0	17.531.468.145	2.697.247.145	18.146.528.145	18.146.528.145	6.290.158.730	12.796.818.109	0	0	0	5.349.710.036

Ghi chú: KBNN chi ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN: Quyết định giao bổ sung dự toán 3911 ngày 06/7/2022 Cơ quan tài chính nhập vào loại 01 (Dự toán giao đầu năm)

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 6 tháng 10 năm 2022

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Trần Anh Tuấn

Nguyễn Thị Thanh Thảo
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Quận 8 - TP Hồ Chí Minh

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 6 tháng 10 năm 2022

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Thảo

Đỗ Thị Trang

Đồng Thị Ngọc Dung

Nguyễn Thị Ngọc Dung
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Trường trung học cơ sở Chánh Hưng

Ngày ký: Đỗ Thị Trang
Ngày ký: 06/10/2022
Đơn vị: Trường trung học cơ sở Chánh Hưng

Chức danh và toán trưởng
Đơn vị: KĐTN, Quận 8 - TP Hồ Chí Minh
Nơi dùng: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20C

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

Mã chương: 622
Đơn vị: Trường trung học cơ sở Chánh Hưng
Mã ĐVQHNS: 1073093
Mã cấp NS: 2

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỤ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 3 /Năm 2022

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Lương theo ngạch, bậc	12	073	6001	00000	0	0	1.677.256.526	4.979.495.788	1.677.256.526	4.979.495.788
Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	12	073	6051	00000	0	0	44.085.600	127.358.400	44.085.600	127.358.400
Phụ cấp chức vụ	12	073	6101	00000	0	0	17.656.503	52.969.504	17.656.503	52.969.504
Phụ cấp làm đêm: làm thêm giờ	12	073	6105	00000	0	0	102.187.145	128.191.775	102.187.145	128.191.775
Phụ cấp ưu đãi nghề	12	073	6112	00000	0	0	710.531.703	1.709.847.051	710.531.703	1.709.847.051
Phụ cấp thâm niên vượt khung: phụ cấp thâm niên nghề	12	073	6115	00000	0	0	302.405.740	839.078.814	302.405.740	839.078.814
Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	12	073	6157	00000	0	0	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000
Bảo hiểm xã hội	12	073	6301	00000	0	0	362.242.107	1.071.835.249	362.242.107	1.071.835.249
Bảo hiểm y tế	12	073	6302	00000	0	0	62.098.647	184.304.525	62.098.647	184.304.525
Kinh phí công đoàn	12	073	6303	00000	0	0	41.399.097	122.495.456	41.399.097	122.495.456
Bảo hiểm thất nghiệp	12	073	6304	00000	0	0	20.699.550	60.686.391	20.699.550	60.686.391
Chi khác	12	073	6449	00000	0	0	0	199.274.800	0	199.274.800
Tiền điện	12	073	6501	00000	0	0	5.453.051	55.826.049	5.453.051	55.826.049
Tiền nước	12	073	6502	00000	0	0	2.179.710	25.230.510	2.179.710	25.230.510
Tiền vệ sinh, môi trường	12	073	6504	00000	0	0	2.945.454	2.945.454	2.945.454	2.945.454
vấn phòng phẩm	12	073	6551	00000	0	0	21.306.100	31.714.100	21.306.100	31.714.100

Mua sắm công cụ dụng cụ văn phòng	12	073	6552	00000	0	0	500.500.000	518.260.600	518.260.600
Vật tư văn phòng khác	12	073	6599	00000	0	0	4.284.528	11.345.716	11.345.716
Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuế bao đường điện thoại; fax	12	073	6601	00000	0	0	379.794	0	379.794
Thuế bao kênh vệ tinh; thuế bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuế đường truyền mạng	12	073	6605	00000	0	0	1.597.603	0	1.597.603
Khoản điện thoại	12	073	6618	00000	0	0	1.600.000	0	1.600.000
Khoản công tác phí	12	073	6704	00000	0	0	3.800.000	0	3.800.000
Thuế lao động trong nước	12	073	6757	00000	0	0	111.369.069	111.369.069	248.333.330
Chi phí thuế mướn khác	12	073	6799	00000	0	0	79.251.000	0	79.251.000
Nhà cửa	12	073	6907	00000	0	0	42.406.200	81.844.200	81.844.200
Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	12	073	6949	00000	0	0	1.576.060.000	1.576.060.000	1.576.060.000
Tài sản và thiết bị khác	12	073	6999	00000	0	0	63.727.000	63.727.000	63.727.000
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	12	073	7766	00000	0	0	614.565.000	614.565.000	614.565.000
Chi khác	14	073	6449	00000	0	0	1.359.532.704	1.359.532.704	3.254.676.473
Cộng:					0	0	7.649.691.434	16.051.494.582	16.051.494.582
Phần KBNN ghi:									

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 6 tháng 10 năm 2022

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Trần Anh Tuấn

Người ký: Nguyễn Thị Thanh Thảo
Ngày ký: 06/10/2022 tại đơn vị
Chức vụ: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN, Quận 8, TP.HCM, Việt Nam

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 6 tháng 10 năm 2022

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Đặng Thị Ngọc Dung
Ngày ký: 06/10/2022 tại đơn vị
Chức vụ: Kế toán trưởng
Đơn vị: Trường THPT Nguyễn Huệ, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam

Số: 72 /CH-CK

Quận 8, ngày 05 tháng 01 năm 2023

V/v báo cáo tình hình công khai
thực hiện dự toán thu, chi ngân
sách nhà nước Quý 4/2022.

Kính gửi: Phòng Tài chính – Kế hoạch Quận 8

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai Ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 5015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 143 /QĐ-CH ngày 05 tháng 1 năm 2023 của Trường THCS Chánh Hưng về việc công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách quý 4/2022;

Trường Trung học cơ sở Chánh Hưng báo cáo tình hình công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước Quý 4/2022 như sau:

I. Tình hình công khai ngân sách tại các đơn vị thuộc, trực thuộc:

1. Số đơn vị chưa công khai ngân sách: 0
2. Số đơn vị thực hiện công khai ngân sách: 01

Stt	Tên đơn vị	Đơn vị đã thực hiện công khai ngân sách					
		Nội dung		Hình thức		Thời gian	
		Đúng nội dung	Chưa đúng nội dung	Đúng hình thức	Chưa đúng hình thức	Đúng thời gian	Chưa đúng thời gian
01	Trường THCS Chánh Hưng	x		x		x	

II. Nêu những nguyên nhân tại sao chưa công khai hoặc đã công khai nhưng chưa đúng quy định: Không.

Nơi nhận:

- PTC-KH Q8;
- Lưu :VT, KT.



HIỆP TRƯỞNG

Đồng Thị Ngọc Dung

Số: 143/QĐ-CH

Quận 8, ngày 05 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách Quý IV và năm 2022
của Trường Trung học cơ sở Chánh Hưng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS CHÁNH HƯNG

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai Ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 1361/QĐ/UB ngày 17 tháng 4 năm 1996 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc thành lập Trường Trung học cơ sở Chánh Hưng;

Căn cứ Quyết định số 5015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách Quý IV và năm 2022 của Trường Trung học cơ sở Chánh Hưng (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ phận kế toán, Tổ trưởng các Tổ chuyên môn và các cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phòng TC-KH Q8;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



Đồng Thị Ngọc Dung

Đơn vị: TRƯỜNG THCS CHÁNH HƯNG
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quận 8, ngày 05 tháng 01 năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ IV NĂM 2022

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THCS Chánh Hưng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý IV/2022 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý IV/2022	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý IV năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	24.909	8.763	35,18	173,07
I	Nguồn ngân sách trong nước	24.909	8.763	35,18	173,07
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	24.909	8.763	35,18	173,07
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	12.881	12.881	100,00	344,71
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	12.028	-4.118	-34,23	-310,39

Quận 8, ngày 05 tháng 01 năm 2023

Lập biểu

Đỗ Thị Trang



Đồng Thị Ngọc Dung

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: TRƯỜNG THCS CHÁNH HƯNG
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quận 8, ngày 05 tháng 01 năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THCS Chánh Hưng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách năm 2022 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2022	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	24.909	24.815	99,62	134,19
I	Nguồn ngân sách trong nước	24.909	24.815	99,62	134,19
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	24.909	24.815	99,62	134,19
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	12.881	12.881	100,00	92,66
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	12.028	11.934	99,22	259,89

Lập biểu

Đỗ Thị Trang

Quận 8, ngày 05 tháng 01 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

(Chữ ký, dấu)



Đồng Thị Ngọc Dung

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 4 Năm 2022

Mã nguồn NS	Mã ngành KT	Mã CTMT, DA	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	Dự toán năm nay		DT được sử dụng trong năm	Dự toán đã sử dụng		Dự toán đã cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	I	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
I. Kinh phí giao tự chủ giao khoán													
13					12.561.171.808	12.561.171.808	12.561.171.808	12.561.171.808	12.561.171.808				
13	073				12.561.171.808	12.561.171.808	12.561.171.808	12.561.171.808	12.561.171.808				0
14			264.485.781		54.986.000	54.986.000	319.471.781	319.471.781	319.471.781				
14	073		264.485.781		54.986.000	54.986.000	319.471.781	319.471.781	319.471.781				0
	Cộng		264.485.781		12.616.157.808	12.616.157.808	12.880.643.589	12.880.643.589	12.880.643.589				0
II. Kinh phí giao không tự chủ không giao khoán													
12				15.449.281.000	(12.449.060.226)	5.697.467.919	5.697.467.919	(7.099.350.190)	5.697.467.919				
12	073			15.449.281.000	(12.449.060.226)	5.697.467.919	5.697.467.919	(7.099.350.190)	5.697.467.919				0
14			3.276.920.540	3.489.761.000	(1.217.486.000)	2.272.275.000	5.549.195.540	2.200.405.614	5.455.082.087				94.113.453
14	073		3.276.920.540	3.489.761.000	(1.217.486.000)	2.272.275.000	5.549.195.540	2.200.405.614	5.455.082.087				94.113.453
15					781.410.000	781.410.000	781.410.000	781.410.000	781.410.000				
15	073				781.410.000	781.410.000	781.410.000	781.410.000	781.410.000				0
	Cộng		3.276.920.540	18.939.042.000	(12.885.136.226)	8.751.152.919	12.028.073.459	(4.117.534.576)	11.933.960.006				94.113.453
	TỔNG CỘNG		3.541.406.321	18.939.042.000	(268.978.418)	21.367.310.727	24.908.717.048	8.763.109.013	24.814.603.595				94.113.453

[illegible]

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày tháng năm

Kê toán

Kê toán trường

(Kỳ lân, đổng dẫu)

ĐƠN VI SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 5 tháng 1 năm 2023

Kê toán trưởng

(Kỳ, họ và tên)

Thủ trường đơn vị

(Kỳ, họ tên, đóng dấu)

Đỗ Thị Trang

Đông Thị Ngọc Dung

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường THCS Chánh Hưng

Mã ĐVQHNS: 1073093

Mã cấp NS: 3

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

**BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH
THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC**

Đơn vị: Trường THCS Chánh Hưng
Mã ĐVQHNS: 1073093

Mã chương: 622

Mã cấp NS: 3

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành KT	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
I. Kinh phí giao tự chủ giao khoán							12.880.643.589	12.880.643.589	12.880.643.589	12.880.643.589
Kinh phí giao tự chủ, giao khoán	13						12.561.171.808	12.561.171.808	12.561.171.808	12.561.171.808
Giáo dục trung học cơ sở		073					12.561.171.808	12.561.171.808	12.561.171.808	12.561.171.808
Lương theo ngạch, bậc			6001				6.767.636.859	6.767.636.859	6.767.636.859	6.767.636.859
Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng			6051				171.444.000	171.444.000	171.444.000	171.444.000
Phụ cấp chức vụ			6101				70.626.007	70.626.007	70.626.007	70.626.007
Phụ cấp ưu đãi nghề			6112				2.001.166.258	2.001.166.258	2.001.166.258	2.001.166.258
Phụ cấp theo nghề, theo công việc			6113				8.195.000	8.195.000	8.195.000	8.195.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề			6115				1.134.962.561	1.134.962.561	1.134.962.561	1.134.962.561
Thưởng thường xuyên			6201				48.150.000	48.150.000	48.150.000	48.150.000
Bảo hiểm xã hội			6301				1.342.857.256	1.342.857.256	1.342.857.256	1.342.857.256
Bảo hiểm y tế			6302				238.775.529	238.775.529	238.775.529	238.775.529
Kinh phí công đoàn			6303				158.622.346	158.622.346	158.622.346	158.622.346
Bảo hiểm thất nghiệp			6304				79.591.845	79.591.845	79.591.845	79.591.845
Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ			6404				333.438.000	333.438.000	333.438.000	333.438.000
Chi khác			6449				199.274.800	199.274.800	199.274.800	199.274.800
Vật tư văn phòng khác			6599				4.661.280	4.661.280	4.661.280	4.661.280
Chi lập Quỹ phúc lợi			7952				1.770.067	1.770.067	1.770.067	1.770.067

Nội dung	Mục lục NSNN					Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành KT	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4	
Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	14						319.471.781	319.471.781	319.471.781	319.471.781	
Giáo dục trung học cơ sở		073					319.471.781	319.471.781	319.471.781	319.471.781	
Chi khác				6449			319.471.781	319.471.781	319.471.781	319.471.781	
II. Kinh phí giao không tự chủ không giao khoản							(4.117.534.576)	11.933.960.006	(4.117.534.576)	11.933.960.006	
Kinh phí không giao tự chủ, không giao khoản	12						(7.099.350.190)	5.697.467.919	(7.099.350.190)	5.697.467.919	
Giáo dục trung học cơ sở		073					(7.099.350.190)	5.697.467.919	(7.099.350.190)	5.697.467.919	
Lương theo ngạch, bậc			6001				(4.979.495.788)	0	(4.979.495.788)	0	
Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng			6051				(127.358.400)	0	(127.358.400)	0	
Phụ cấp chức vụ			6101				(52.969.504)	0	(52.969.504)	0	
Phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ			6105				0	128.191.775	0	128.191.775	
Phụ cấp ưu đãi nghề			6112				(1.286.855.428)	422.991.623	(1.286.855.428)	422.991.623	
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề			6115				(839.078.814)	0	(839.078.814)	0	
Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập			6157				19.800.000	24.600.000	19.800.000	24.600.000	
Bảo hiểm xã hội			6301				(1.071.835.249)	0	(1.071.835.249)	0	
Bảo hiểm y tế			6302				(184.304.525)	0	(184.304.525)	0	
Kinh phí công đoàn			6303				(122.495.456)	0	(122.495.456)	0	
Bảo hiểm thất nghiệp			6304				(60.686.391)	0	(60.686.391)	0	
Chi khác			6449				(199.274.800)	0	(199.274.800)	0	
Tiền điện			6501				(55.826.049)	0	(55.826.049)	0	
Tiền nước			6502				(25.230.510)	0	(25.230.510)	0	
Tiền vệ sinh, môi trường			6504				(2.945.454)	0	(2.945.454)	0	
Vận phòng phẩm			6551				(31.714.100)	0	(31.714.100)	0	
Mua sắm công cụ dụng cụ văn phòng			6552				(17.760.600)	500.500.000	(17.760.600)	500.500.000	
Vật tư văn phòng khác			6599				(11.345.716)	0	(11.345.716)	0	
Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuế bao đường điện thoại; fax			6601				(379.794)	0	(379.794)	0	
Thuế bao kênh vệ tinh; thuế bao cấp truyền hình; cước phí Internet; thuế đường truyền mạng			6605				(1.597.603)	0	(1.597.603)	0	
Khảo sát điện thoại			6618				(1.600.000)	0	(1.600.000)	0	
Khảo sát công tác phí			6704				(3.800.000)	0	(3.800.000)	0	
Thuế lao động trong nước			6757				(248.333.330)	0	(248.333.330)	0	
Chi phí thuế mướn khác			6799				(79.251.000)	0	(79.251.000)	0	
Nhà cửa			6907				20.961.765	102.805.965	20.961.765	102.805.965	

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành KT	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác			6949				353.369.000	1.929.429.000	353.369.000	1.929.429.000
Tài sản và thiết bị khác			6999				208.416.000	272.143.000	208.416.000	272.143.000
Chi mua hàng hóa, vật tư			7001				742.481.556	742.481.556	742.481.556	742.481.556
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ			7766				959.760.000	1.574.325.000	959.760.000	1.574.325.000
Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	14						2.200.405.614	5.455.082.087	2.200.405.614	5.455.082.087
Giáo dục trung học cơ sở		073					2.200.405.614	5.455.082.087	2.200.405.614	5.455.082.087
Chi khác			6449				2.200.405.614	5.455.082.087	2.200.405.614	5.455.082.087
Kinh phí không tự chủ được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9	15						781.410.000	781.410.000	781.410.000	781.410.000
Giáo dục trung học cơ sở		073					781.410.000	781.410.000	781.410.000	781.410.000
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ			7766				781.410.000	781.410.000	781.410.000	781.410.000
				Cộng:			8.763.109.013	24.814.603.595	8.763.109.013	24.814.603.595

Phần KBNN ghi

[illegible]

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin vào số liệu bị chênh lệch.

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày . tháng năm

Kê toán

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)

ĐƠN VI SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 5 tháng 1 năm 2022

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đỗ Thị Trang

Đồng Thị Ngọc Dung

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường THCS Chánh Hưng

Mã ĐVQHNS: 1073093

Mã cấp NS: 3

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

**BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH
THỨC RÚT DỤ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC**

Đơn vị: Trường THCS Chánh Hưng

Mã ĐVQHNS: 1073093

Mã chương: 622

Mã cấp NS: 3

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành KT	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
I. Kinh phí giao tự chủ giao khoán							12.880.643.589	12.880.643.589	12.880.643.589	12.880.643.589
Kinh phí giao tự chủ, giao khoán	13						12.561.171.808	12.561.171.808	12.561.171.808	12.561.171.808
Giáo dục trung học cơ sở		073					12.561.171.808	12.561.171.808	12.561.171.808	12.561.171.808
I. trong theo ngành, bậc			6001				6.767.636.859	6.767.636.859	6.767.636.859	6.767.636.859
Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng			6051				171.444.000	171.444.000	171.444.000	171.444.000
Phụ cấp chức vụ			6101				70.626.007	70.626.007	70.626.007	70.626.007
Phụ cấp ưu đãi nghề			6112				2.001.166.258	2.001.166.258	2.001.166.258	2.001.166.258
Phụ cấp theo nghề, theo công việc			6113				8.195.000	8.195.000	8.195.000	8.195.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề			6115				1.134.962.561	1.134.962.561	1.134.962.561	1.134.962.561
Thường xuyên			6201				48.150.000	48.150.000	48.150.000	48.150.000
Bảo hiểm xã hội			6301				1.342.857.256	1.342.857.256	1.342.857.256	1.342.857.256
Bảo hiểm y tế			6302				238.775.529	238.775.529	238.775.529	238.775.529
Kinh phí công đoàn			6303				158.622.346	158.622.346	158.622.346	158.622.346
Bảo hiểm thất nghiệp			6304				79.591.845	79.591.845	79.591.845	79.591.845
Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ			6404				333.438.000	333.438.000	333.438.000	333.438.000
Chi khác			6449				199.274.800	199.274.800	199.274.800	199.274.800
Vật tư văn phòng khác			6599				4.661.280	4.661.280	4.661.280	4.661.280
Chi lập Quỹ phúc lợi			7952				1.770.067	1.770.067	1.770.067	1.770.067

Nội dung	Mục lục NSNN					Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành KT	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4	
Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	14	073					319.471.781	319.471.781	319.471.781	319.471.781	
Giáo dục trung học cơ sở			6449				319.471.781	319.471.781	319.471.781	319.471.781	
Chi khác							(4.117.534.576)	11.933.960.006	(4.117.534.576)	11.933.960.006	
II. Kinh phí giao không tự chủ không giao khoản	12	073					(7.099.350.190)	5.697.467.919	(7.099.350.190)	5.697.467.919	
Kinh phí không giao tự chủ, không giao khoản							(7.099.350.190)	5.697.467.919	(7.099.350.190)	5.697.467.919	
Giáo dục trung học cơ sở			6001				(4.979.495.788)	0	(4.979.495.788)	0	
Lương theo ngạch, bậc			6051				(127.358.400)	0	(127.358.400)	0	
Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng			6101				(52.969.504)	0	(52.969.504)	0	
Phụ cấp chức vụ			6105				0	128.191.775	0	128.191.775	
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ			6112				(1.286.855.428)	422.991.623	(1.286.855.428)	422.991.623	
Phụ cấp ưu đãi nghề			6115				(839.078.814)	0	(839.078.814)	0	
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề			6157				19.800.000	24.600.000	19.800.000	24.600.000	
Hỗ trợ đổi tương chỉnh sách chi phí học tập			6301				(1.071.835.249)	0	(1.071.835.249)	0	
Bảo hiểm xã hội			6302				(184.304.525)	0	(184.304.525)	0	
Bảo hiểm y tế			6303				(122.495.456)	0	(122.495.456)	0	
Kinh phí công đoàn			6304				(60.686.391)	0	(60.686.391)	0	
Bảo hiểm thất nghiệp			6449				(199.274.800)	0	(199.274.800)	0	
Chi khác			6501				(55.826.049)	0	(55.826.049)	0	
Tiền điện			6502				(25.230.510)	0	(25.230.510)	0	
Tiền nước			6504				(2.945.454)	0	(2.945.454)	0	
Tiền vệ sinh, môi trường			6551				(31.714.100)	0	(31.714.100)	0	
Mua sắm công cụ dụng cụ văn phòng			6552				(17.760.600)	500.500.000	(17.760.600)	500.500.000	
Vật tư văn phòng khác			6599				(11.345.716)	0	(11.345.716)	0	
Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuế bao đường điện thoại; fax			6601				(379.794)	0	(379.794)	0	
Thuế bao kênh vệ tinh; thuế bao cấp truyền hình; cước phí Internet; thuế đường truyền mạng			6605				(1.597.603)	0	(1.597.603)	0	
Khoản điện thoại			6618				(1.600.000)	0	(1.600.000)	0	
Khoản công tác phí			6704				(3.800.000)	0	(3.800.000)	0	
Thuế lao động trong nước			6757				(248.333.330)	0	(248.333.330)	0	
Chi phí thuế mướn khác			6799				(79.251.000)	0	(79.251.000)	0	
Nhà cửa			6907				20.961.765	102.805.965	20.961.765	102.805.96	

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng			Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành KT	Mã D	Mã E	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E		1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác			6949			353.369.000	1.929.429.000	353.369.000	1.929.429.000		1.929.429.000
Tài sản và thiết bị khác			6999			208.416.000	272.143.000	208.416.000	272.143.000		272.143.000
Chi mua hàng hóa, vật tư			7001			742.481.556	742.481.556	742.481.556	742.481.556		742.481.556
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ			7766			959.760.000	1.574.325.000	959.760.000	1.574.325.000		1.574.325.000
Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	14					2.200.405.614	5.455.082.087	2.200.405.614	5.455.082.087		5.455.082.087
Giáo dục trung học cơ sở		073				2.200.405.614	5.455.082.087	2.200.405.614	5.455.082.087		5.455.082.087
Chi khác			6449			2.200.405.614	5.455.082.087	2.200.405.614	5.455.082.087		5.455.082.087
Kinh phí không tự chủ được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9	15					781.410.000	781.410.000	781.410.000	781.410.000		781.410.000
Giáo dục trung học cơ sở		073				781.410.000	781.410.000	781.410.000	781.410.000		781.410.000
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ			7766			781.410.000	781.410.000	781.410.000	781.410.000		781.410.000
					Cộng:	8.763.109.013	24.814.603.595	8.763.109.013	24.814.603.595		24.814.603.595

Phần KBNN ghi

[illegible]

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin vào số liệu bị chênh lệch.

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày tháng năm

Kê toán

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)

ĐƠN VI SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 5 tháng 1 năm 2022,

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đỗ Thị Trang

Đông Thị Ngọc Dung

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường trung học cơ sở Chánh Hưng

Mã ĐVQHNS: 1073093

Mã cấp NS: 2

Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KENN Quận 8 - TP Hồ Chí Minh
Nơi dùng: Phê duyệt nội sơ đồ chi tiêu xác nhận số dư

Mẫu số 20a

Ký hiệu: 01a-

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Năm 2022

Mã nguồn NSNN kinh tế	Mã ngành	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng			DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9		10	11=5-7-9
12	073	00000	0	15.449.281.000	-9.581.629.890	5.867.651.110	5.867.651.110	5.697.467.919	5.697.467.919	0	0	0	0	170.183.191
13	073	00000	0	0	12.561.171.808	12.561.171.808	12.561.171.808	12.561.171.808	12.561.171.808	0	0	0	0	0
14	073	00000	3.541.406.321	3.489.761.000	-1.162.500.000	2.327.261.000	5.868.667.321	5.774.553.868	5.774.553.868	0	0	0	0	94.113.453
15	073	00000	0	0	781.410.000	781.410.000	781.410.000	781.410.000	781.410.000	0	0	0	0	0
Cộng:			3.541.406.321	18.939.042.000	2.598.451.918	21.537.493.918	25.078.900.239	24.814.603.595	24.814.603.595	0	0	0	0	264.296.644
Phần KBNN ghi:														
12	073	00000	0	5.252.591.110	5.867.651.110	5.867.651.110	5.867.651.110	5.697.467.919	5.697.467.919	0	0	0	0	170.183.191
13	073	00000	0	12.561.171.808	12.561.171.808	12.561.171.808	12.561.171.808	12.561.171.808	12.561.171.808	0	0	0	0	0
14	073	00000	3.541.406.321	2.327.261.000	2.327.261.000	2.327.261.000	5.868.667.321	5.774.553.868	5.774.553.868	0	0	0	0	94.113.453

Chỉ chú của

Chỉnh lệch nguồn 12 nguồn 13 do QĐ số: 7769/QĐ-UBND ngày 27/10/2022; 8336 QĐ-UBND ngày 14/11/2023; QĐ 8478/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 điều chỉnh, bổ sung dự toán nhưng Số Tài chính nhập vào dự toán giao đầu năm.

Chỉnh lệch dự toán giao đầu năm nguồn 14 theo QĐ số: 7768/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 giao điều chỉnh tăng giảm dự toán (54.986.000đ).

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 21 tháng 2 năm 2023

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 21 tháng 2 năm 2023

Kế toán

Kế toán trưởng

Kế toán trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Trần Anh Tuấn

Người ký: Nguyễn Thị Thanh Thảo
Ngày ký: 21/02/2024, 17:54:47
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: MNS Quang - TP. Hồ Chí Minh

Nguyễn Thị Thanh Thảo

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Đặng Thị Ngọc Dung
Ngày ký: 21/02/2024, 17:54:47
Đơn vị: Trường Trung học cơ sở Chánh Hưng

Đặng Thị Ngọc Dung

Đỗ Thị Trang

Đơn vị: Trường trung học cơ sở Chánh Hưng

Mã ĐVQHNS: 1073093

Mã cấp NS: 2

Đơn vị: UBND Quận 8 - TP Hồ Chí Minh
Nó dùng để duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVĐT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Năm 2022

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	12	073	6105	00000	0	0	128.191.775	128.191.775	128.191.775	128.191.775
Phụ cấp ưu đãi nghề	12	073	6112	00000	0	0	422.991.623	422.991.623	422.991.623	422.991.623
Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	12	073	6157	00000	0	0	24.600.000	24.600.000	24.600.000	24.600.000
Mua sắm công cụ dụng cụ văn phòng	12	073	6552	00000	0	0	500.500.000	500.500.000	500.500.000	500.500.000
Nhà cửa	12	073	6907	00000	0	0	102.805.965	102.805.965	102.805.965	102.805.965
Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	12	073	6949	00000	0	0	1.929.429.000	1.929.429.000	1.929.429.000	1.929.429.000
Tài sản và thiết bị khác	12	073	6999	00000	0	0	272.143.000	272.143.000	272.143.000	272.143.000
Chi mua hàng hóa, vật tư	12	073	7001	00000	0	0	742.481.556	742.481.556	742.481.556	742.481.556
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	12	073	7766	00000	0	0	1.574.325.000	1.574.325.000	1.574.325.000	1.574.325.000
Lương theo ngạch, bậc	13	073	6001	00000	0	0	6.767.636.859	6.767.636.859	6.767.636.859	6.767.636.859
Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	073	6051	00000	0	0	171.444.000	171.444.000	171.444.000	171.444.000
Phụ cấp chức vụ	13	073	6101	00000	0	0	70.626.007	70.626.007	70.626.007	70.626.007
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	073	6112	00000	0	0	2.001.166.258	2.001.166.258	2.001.166.258	2.001.166.258
Phụ cấp theo nghề, theo công việc	13	073	6113	00000	0	0	8.195.000	8.195.000	8.195.000	8.195.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	13	073	6115	00000	0	0	1.134.962.561	1.134.962.561	1.134.962.561	1.134.962.561
Thường thường xuyên	13	073	6201	00000	0	0	48.150.000	48.150.000	48.150.000	48.150.000

Bảo hiểm xã hội	13	073	6301	00000	0	0	1.342.857.256	1.342.857.256	1.342.857.256
Bảo hiểm y tế	13	073	6302	00000	0	0	238.775.529	238.775.529	238.775.529
Cấp phí công đoàn	13	073	6303	00000	0	0	158.622.346	158.622.346	158.622.346
Bảo hiểm thất nghiệp	13	073	6304	00000	0	0	79.591.845	79.591.845	79.591.845
Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ	13	073	6404	00000	0	0	333.438.000	333.438.000	333.438.000
Chi khác	13	073	6449	00000	0	0	199.274.800	199.274.800	199.274.800
Vật tư văn phòng khác	13	073	6599	00000	0	0	4.661.280	4.661.280	4.661.280
Chi lập Quỹ phúc lợi	13	073	7952	00000	0	0	1.770.067	1.770.067	1.770.067
Chi khác	14	073	6449	00000	0	0	5.774.553.868	5.774.553.868	5.774.553.868
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	15	073	7766	00000	0	0	781.410.000	781.410.000	781.410.000
				Cộng:	0	0	24.814.603.595	24.814.603.595	24.814.603.595
Phần KBNN ghi:									

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 2 tháng 2 năm 2023

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Trần Anh Tuấn

Người ký: Hoàng Thị Ngọc Dung
Ngày ký: 02/02/2023, tại xã 2
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: UBND Quận 5, TP Hồ Chí Minh

Nguyễn Thị Thanh Thảo

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 2 tháng 2 năm 2023

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Đỗ Thị Trang

Đồng Thị Ngọc Dung

Người ký: Hoàng Thị Ngọc Dung
Ngày ký: 02/02/2023, tại xã 2
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: UBND Quận 5, TP Hồ Chí Minh